

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Phúc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng và ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1220/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký thường trú: ấp I, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký thường trú: ấp I, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời khai trong hồ sơ, thì thấy nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày: Bà và ông Trịnh Văn M tự nguyện thương yêu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/12/2010. Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Gia T, sinh ngày 28/10/2010 và Trịnh Gia H, sinh ngày 31/12/2017.

Quá trình chung sống bà và ông M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, ông M không tôn trọng bà, đến nay tình cảm không còn nữa, không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau, nên bà tha thiết được ly hôn với ông M. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02

con, bà đủ khả năng chăm sóc tốt các con, **bà không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con**. Tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

*Bị đơn ông **Trịnh Văn M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà **Trần Kim N** được ly hôn với ông **Trịnh Văn M**; Về con chung giao cháu **Trịnh Gia T**, sinh ngày 28/10/2010 và **Trịnh Gia H**, sinh ngày 31/12/2017 cho bà **N** được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông **M** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **N** không yêu cầu. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu, **N1** chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu của bà **N** là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với ông **Trịnh Văn M**, sinh năm 1987, địa chỉ: **Số D, tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai**, quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Tại biên bản tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án ngày 27/3/2024**, thể hiện: Ông **Trịnh Văn M**, sinh năm 1987 đang sinh sống tại địa chỉ: **Số D, tổ A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa, ông **Trịnh Văn M** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà **Trần Kim N** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu của bà **N**:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà **N** và ông **M** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 06/12/2010 **theo đúng quy định tại điều 11 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện kết hôn quy định tại điều 9, 10 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000**, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét mâu thuẫn giữa bà **N** và ông **M** thì thấy: Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông **M** và bà **N** tại **UBND xã Đ** 61 nơi ông **M** và bà **N** cư trú, nhưng không xác định được mâu thuẫn. quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần động viên bà **N** suy nghĩ về đoàn tụ vợ chồng nhưng bà **N** không đồng ý đoàn tụ, kiên quyết xin ly hôn với ông **M** và trình bày bà và ông **M** thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng không thể khắc

phục được mâu thuẫn, việc ai người đó làm, tình cảm không còn. Bên cạnh đó, ông M đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thu lý vụ án và các văn bản tố tụng khác để đến tòa án làm việc, nhưng ông M không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đến tòa án để làm việc, chứng tỏ ông M không có thiện chí trong việc hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nữa.

Từ đó, khẳng định mâu thuẫn giữa bà N và ông M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân & gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông **Trịnh Văn M**.

[2.2] Về con chung: Theo trình bày của bà N và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, bà N và ông M có 02 con chung là **Trịnh Gia T**, sinh ngày 28/10/2010 và **Trịnh Gia H**, sinh ngày 31/12/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà cam kết chăm sóc tốt cho con, ông M không có ý kiến gì. Quá trình làm việc cháu T trình bày hiện nay đang sống với bà N và em, trường hợp cha mẹ không sống cùng thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu T và cháu H, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là **Trịnh Gia T**, sinh ngày 28/10/2010 và **Trịnh Gia H**, sinh ngày 31/12/2017.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà N.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Bà N trình bày không có, ông M không có ý kiến gì. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[3] Ý kiến nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 5, 28, 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình 2000; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Kim N**.

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Kim N** được ly hôn với ông **Trịnh Văn M**.

Về con chung: Giao cho bà **Trần Kim N** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là **Trịnh Gia T**, sinh ngày 28/10/2010 và **Trịnh Gia H**, sinh ngày 31/12/2017.

Tạm thời ông **Trịnh Văn M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà **Trần Kim N**.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông **Trịnh Văn M.**

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà **N** và ông **M** không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà **N** trình bày không có và ông **M** không có ý kiến gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Trần Kim N** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0006325 ngày 14/12/2023 qua nộp án phí.

Báo cho bà **N** và ông **M** biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đông Hòa, **H. An Minh**, T.Kiên Giang (GCNĐKKH số 367/2010 ngày 06/12/2010);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Hữu Phúc**